



TẬP HUẤN

Quy định ghi nhãn thuốc

**Khai thác thông tin SHCN liên quan đến
nhãn hiệu và sáng chế trong sản xuất,
kinh doanh dược phẩm**

Hà Nội, 06/2016

Bối cảnh

- Tranh chấp về SHTT gia tăng
- Cơ hội và thách thức trước thêm hội nhập kinh tế quốc tế (AEC, TPP, EVFTA, RCEP)
- Mục tiêu của Cục Quản lý Dược
 - + Chấp hành pháp luật về SHTT
 - + Đảm bảo sự cân bằng giữa mục tiêu tăng cường tiếp cận thuốc với trách nhiệm bảo vệ, khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khuyến khích các loại thuốc mới gia nhập thị trường
 - + Các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích sản xuất trong nước thuốc generic và thuốc y học cổ truyền
 - + Các biện pháp góp phần kiểm soát, ngăn chặn, xử lý thuốc giả mạo nhãn hiệu



NỘI DUNG

1. Tổng quan về các đối tượng SHTT
2. Trách nhiệm bảo vệ và thực thi quyền
3. Ý nghĩa của hệ thống thông tin SHCN
4. Khai thác thông tin nhãn hiệu
5. Khai thác thông tin sáng chế
6. Thực hành

Tổng quan về các đối tượng của quyền SHTT

03 LĨNH VỰC CHUYÊN NGÀNH

Quyền tác giả và quyền liên quan

Quyền sở hữu công nghiệp

Sáng chế

Kiểu dáng công nghiệp

Nhãn hiệu /Chỉ dẫn địa lý / Tên thương mại

Bí mật kinh doanh (dữ liệu thử nghiệm...)

Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (IC)

Chống cạnh tranh không lành mạnh

Quyền đối với giống cây trồng

Trách nhiệm bảo vệ và thực thi quyền SHTT

Xác lập quyền SHTT

Cục SHTT

Cục Bản quyền tác giả

Cục Trồng trọt (VP Bảo hộ giống cây trồng mới)

Thực thi quyền SHTT

Các kênh thực thi quyền SHTT

Dân sự

Hành chính

Kiểm soát hải quan

Hình sự

Hành vi xâm phạm/ vi phạm/ tội phạm

Trách nhiệm bảo vệ và thực thi quyền SHTT

❑ TRÁCH NHIỆM QLNN VỀ SHTT (Điều 11 Luật SHTT)

- Chính phủ thống nhất QLNN
- Bộ KHCN
 - chịu trách nhiệm trước CP chủ trì, phối hợp với Bộ VHTTDL và Bộ NNPTNT thực hiện QLNN về SHTT
 - thực hiện QLNN về quyền SHCN
- Bộ VHTTDL trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện QLNN về QTG và QLQ
- Bộ NNPTNT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện QLNN về quyền đối với GCT

Trách nhiệm bảo vệ và thực thi quyền SHTT

▣ TRÁCH NHIỆM QLNN VỀ SHTT (Điều 11 Luật SHTT)

- UBND các cấp thực hiện QLNN về SHTT tại địa phương theo thẩm quyền
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP: trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ KH-CN, Bộ VHTTDL, Bộ NNPTNT và UBND cấp tỉnh trong việc QLNN về SHTT

Trách nhiệm QLNN về SHTT của Bộ Y tế

❑ TRÁCH NHIỆM TRỰC TIẾP

- Bảo hộ Dữ liệu thử nghiệm (Điều 128 Luật SHTT)
- Cấp li-xăng bắt buộc (Điều 145 và 147 Luật SHTT)

❑ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP (Điều 11 Luật SHTT)

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách pháp luật
 - Ban hành các Thông tư hướng dẫn thi hành quy định pháp luật: lixang không tự nguyện, bảo mật dữ liệu
 - Góp ý, tham gia tổ biên tập các dự thảo chính sách, pháp luật về SHTT
 - Xây dựng một số chính sách về SHTT trong Luật Dược
- Đàm phán nội dung SHTT trong các điều ước quốc tế
 - Thi hành TRIPS, BTA
 - Đàm phán FTA thế hệ mới : TPP, EVFTA

Trách nhiệm bảo vệ và thực thi quyền SHTT

• Nội dung SHTT trong hệ thống VBQPPL về quản lý dược

• Luật Dược 2016

- Thuốc generic: là *thuốc có cùng dược chất, hàm lượng, dạng bào chế với biệt dược gốc và thường được sử dụng thay thế biệt dược gốc.*
- Thuốc giả: *Được sản xuất, trình bày hoặc dán nhãn nhằm mạo danh nhà sản xuất, nước sản xuất hoặc nước xuất xứ.*
- Chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực dược
- Thu hồi số đăng ký thuốc

• Thông tư 44/2014/TT-BYT: Sở hữu trí tuệ trong ĐKT

• Thông tư 05/2010/TT-BYT: Bảo mật dữ liệu thử nghiệm trong ĐKT

• Dự thảo Thông tư về Bắt buộc chuyển giao quyền SD sáng chế và SD sáng chế nhân danh Nhà nước trong lĩnh vực Dược

Trách nhiệm bảo vệ và thực thi quyền SHTT

- **Điều 13, Thông tư 44/2014/TT-BYT**

1. Cơ sở đăng ký thuốc chịu trách nhiệm về sở hữu trí tuệ đối với thuốc đăng ký lưu hành.
2. Các cơ sở đăng ký thuốc xác lập quyền về sở hữu trí tuệ hoặc tiến hành tra cứu các đối tượng sở hữu trí tuệ có liên quan trước khi đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam.

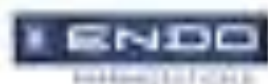
Ý nghĩa của hệ thống thông tin SHCN

- Kho thông tin pháp lý và khoa học kỹ thuật khổng lồ về những sản phẩm, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại nhất; được tổ chức lưu trữ một cách khoa học với các công cụ tra cứu hiện đại
- Thông tin bộc lộ đầy đủ bản chất của SP/QT
- Là tài sản trí tuệ mà chủ thể quyền đóng góp cho xã hội để đổi lấy độc quyền
- Thiết yếu cho cải tiến kỹ thuật, R&D
- Phân tích xu hướng thị trường, xu hướng công nghệ
- Phục vụ Xác lập quyền/Tránh tranh chấp

Khai thác thông tin nhãn hiệu

1. Kiến thức chung

- **Nhãn hiệu** là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.
- **Điều kiện bảo hộ**
 - Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;
 - Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác.



Khai thác thông tin nhãn hiệu

- **Chỉ dẫn thương mại:** là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn TM hàng hóa dịch vụ, bao gồm: NH, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì, nhãn hàng hóa
- **Thương hiệu?**
Nhãn hiệu, Tên gọi XX, Chỉ dẫn địa lý, Tên thương mại, Chỉ dẫn thương mại ...

Khai thác thông tin nhãn hiệu

- **Quyền của chủ sở hữu NH:** Sử dụng, cho phép, ngăn cấm sử dụng NH, định đoạt NH
- **Sử dụng NH:**
 - Gắn NH lên hàng hóa, bao bì, phương tiện KD, giấy tờ
 - Lưu thông, quảng cáo, chào bán, tàng trữ để lưu thông HH mang NH
 - Nhập khẩu HH, DV mang NH
- **Không có quyền ngăn cấm** việc lưu thông, NK, khai thác SP do chính chủ sở hữu nhãn hiệu/ người được phép đưa ra TT trong và ngoài nước

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

- **Kho dữ liệu cần tra cứu:**
 - Kho nhãn hiệu quốc gia
 - Kho nhãn hiệu quốc tế
- **Công cụ tra cứu:**
 - Chương trình tra cứu
 - Bảng phân loại quốc tế hàng hoá, dịch vụ (Nice Classification)
 - Bảng phân loại quốc tế các yếu tố hình (Vienna Classification)

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

The screenshot shows a web browser window with the URL `iplib.noip.gov.vn/WebUI/WSearch.php`. The page header includes the IP LIB logo and the text "CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM Thư Viện Số Về Sở Hữu Công Nghiệp (IP LIB)". The date "Thứ hai, 23/05/2016" is displayed. The search criteria are as follows:

Tên trường	Biểu thức	Ví dụ
Nhãn hiệu tìm kiếm	=	Tên nhãn hiệu:*thống nhất*
Và Nhóm SP/DV	=	Nhóm SP/DV:14
Và Phân loại hình	=	Phân loại hình:06.01
Và Tên sản phẩm / dịch vụ	=	Tên sản phẩm dịch vụ:*diêm*

Buttons: Tìm kiếm, Thiết lập lại

Lưu ý: Hệ thống chỉ cho phép hiển thị 1000 bản ghi

Footer: Bạn là khách thứ : 3549 Time to load : 0.64 s © Cục Sở hữu trí tuệ Dự án hợp tác Việt Nam - Nhật Bản "Ứng dụng thông tin sở hữu trí tuệ tại Việt Nam"

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Hiền – Cục SHTT

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

File Edit View History Bookmarks Tools Help

Điều kiện tìm kiếm nhãn hiệu x ROMARIN x +

iplib.noip.gov.vn/WebUI/WSearch.php Search

IP Lib CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM
Thư Viện Số Về Sở Hữu Công Nghiệp (IP LIB)
Thứ hai, 23/05/2016 English Tiếng Việt

[Trang chủ](#) [Trợ giúp](#) [Giới thiệu](#)

TẠO TRUY VẤN TÌM KIẾM CHO NHÃN HIỆU [Phân loại SP/DV](#) [Phân loại hình](#)

Tên trường			Biểu thức	Ví dụ
Nhãn hiệu tìm kiếm	=	entero*	Tên nhãn hiệu:*thống nhất*	
Và Nhóm SP/DV	=	01 05 10 35 42 44	Nhóm SP/DV:14	
Và Phân loại hình	=		Phân loại hình:06.01	
Và Tên sản phẩm / dịch vụ	=		Tên sản phẩm dịch vụ:*diêm*	

Lưu ý: Hệ thống chỉ cho phép hiển thị 1000 bản ghi

Bạn là khách thứ : 3434
Time to load : 0.02 s

© Cục Sở hữu trí tuệ
Dự án hợp tác Việt Nam - Nhật Bản "Ứng dụng thông tin sở hữu trí tuệ tại Việt Nam"

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

File Edit View History Bookmarks Tools Help

Hiện thị danh sách nhãn hiệu đang... x ROMARIN

ipilib.noip.gov.vn/WebUI/WHITList.php Search

IP Lib CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM
Thư Viện Số Về Sở Hữu Công Nghiệp (IP LIB)

Thứ hai, 23/05/2016 English Tiếng Việt

[Trang chủ](#) [Trợ giúp](#) [Giới thiệu](#)

Tổng số tìm được : 32 bản ghi [Truy vấn cuối cùng](#) [Hiện thị dạng ảnh](#)
Bản ghi từ 1 đến 32 trên tổng số 32

Trước Trang: 1 Sau Dịch

Nhãn hiệu tìm kiếm = entero* Và Nhóm SP/DV = 01 05 10 35 42 44

☐ Chọn tất cả	Nhãn hiệu	Số đơn	Số bằng	Ảnh	(Dạng) Công bảo
☐ 1.	ENTEROFORT	4-1992-07771	4-0005322-000		
☐ 2.	ENTERONON	4-1995-23737	4-0027567-000		
☐ 3.	ENTERO-CAPS	4-1997-35590	4-0029623-000		
☐ 4.	ENTEROL	4-1998-37841	4-0034639-000		
☐ 5.	MEBI ENTEROCIN MB MEBIPHAR, hình	4-1998-39278	4-0032577-000		

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

File Edit View History Bookmarks Tools Help

ROMARIN x ROMARIN x +

www.wipo.int/romarin/search.xhtml Search

ROMARIN

Query: (Mark contains "entero*") AND (Nice Classification contains "05 or 10 or 35 or 42") AND (Designated Contracting Parties contains "vn")

Search Advanced search Reference tools Help Preferences

Search in

- ☒ Registrations no longer in force
- ☒ Applications/requests being processed
- ☒ Active registrations

	International Registration Number	605000, 60500*
AND	Holder Name	MONDIALE, MONDIA*, M
AND	Representative	CABINET, Attorneys
AND	Mark	entero*
AND	Vienna Classification	010101, 0101*
AND	Nice Classification	05 or 10 or 35 or 42
AND	Goods and services (English)	CD-ROM, optical disks
AND	Goods and services (French)	CD-ROM, disques optiq.
AND	Goods and services (Spanish)	CD-ROM, discos ópticos
AND	Office of Origin	CH, FR
AND	Basic Application Number	402 418, 538720
AND	Basic Registration Number	402 418, 538720
AND	Designated Contracting Parties	vn
AND	Registration Date	19930616, 199306*, 199

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

File Edit View History Bookmarks Tools Help

ROMARIN x ROMARIN x +

www.wipo.int/romarin/result.xhtml

contains "vn")

Search Advanced search Reference tools Help Preferences

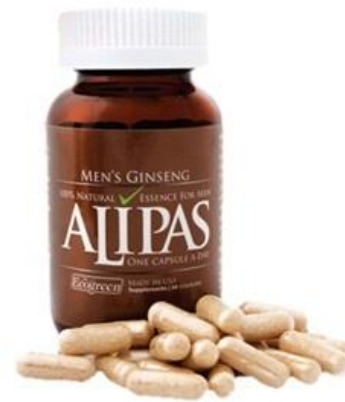
Number of results : 11 / 11 [link](#) [back](#)

N°	International Registration Number	Mark	Office of Origin	Registration date	Reproduction of the mark	XLS	PDF	XML
1	1080137	ENTEROLACTIS	IT	08.04.2011		PDF	XML	
2	1162363	ENTEROFLORA	BX	01.05.2013		PDF	XML	
3	1199927	ENTEROPORC	DE	28.02.2014		PDF	XML	
4	210293	ENTEROGERMINA	IT	03.06.1958		PDF	XML	
5	217905	Enterosediv	DT	05.03.1959		PDF	XML	
6	677271	ENTEROMAT	DE	12.07.1997		PDF	XML	
7	680382	ENTEROPATHYL	FR	24.09.1997		PDF	XML	
8	842172	ENTEROSEPT	FR	07.01.2005		PDF	XML	
9	843920	Enterogermina	FR	18.02.2005		PDF	XML	
10	894810	ENTEROCAPS	DE	03.06.2006		PDF	XML	
11	896788	Enterosgel	RU	31.03.2006		PDF	XML	

Khai thác thông tin nhãn hiệu

2. Kỹ năng tra cứu nhãn hiệu

- Đánh giá tính phân biệt của nhãn hiệu
 - Khả năng tự phân biệt
 - Khả năng phân biệt với nhãn hiệu có ngày nộp đơn/ngày ưu tiên sớm hơn



Khai thác thông tin nhãn hiệu

3. Đánh giá khả năng phân biệt của NH

Khả năng tự phân của nhãn hiệu (X)

- Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc các ngôn ngữ không thông dụng (*)
- Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ hoặc tên gọi thông thường của hàng hoá, dịch vụ
- Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hoá, dịch vụ (*)
- Dấu hiệu mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh của chủ thể kinh doanh;
- Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hoá, dịch vụ *



Khai thác thông tin nhãn hiệu

3. Đánh giá khả năng phân biệt của NH

- Khả năng phân biệt với nhãn hiệu có ngày nộp đơn/ngày ưu tiên sớm hơn

Đánh giá sự tương tự của dấu hiệu

- Tương tự về kết cấu của từ
- Tương tự về phát âm
- Tương tự về nghĩa của từ
- Tương tự về cách trình bày mỹ thuật
- Đánh giá tác động tổng hợp của tổng thể nhãn hiệu đến nhận thức của người tiêu dùng



SOFUVIR

Khai thác thông tin nhãn hiệu

3. Đánh giá khả năng phân biệt của NH

Khả năng phân biệt với nhãn hiệu có ngày nộp đơn/ngày ưu tiên sớm hơn

Cặp nhãn hiệu giống nhau

- ✓ Cấu trúc và/ hoặc
- ✓ Ý nghĩa và/hoặc
- ✓ Hình thức thể hiện

Khiến cho người tiêu dùng lầm tưởng

- ✓ Hai nhãn hiệu là một
- ✓ Là biến thể của nhau
- ✓ Từ cùng một nguồn gốc mà ra

Từ đó dẫn tới sự nhầm lẫn khi lựa chọn sản phẩm, dịch vụ

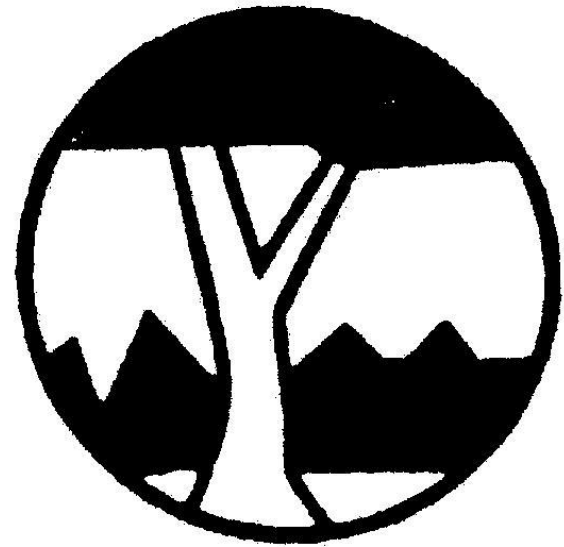


Khai thác thông tin nhãn hiệu

3. Đánh giá khả năng phân biệt của NH

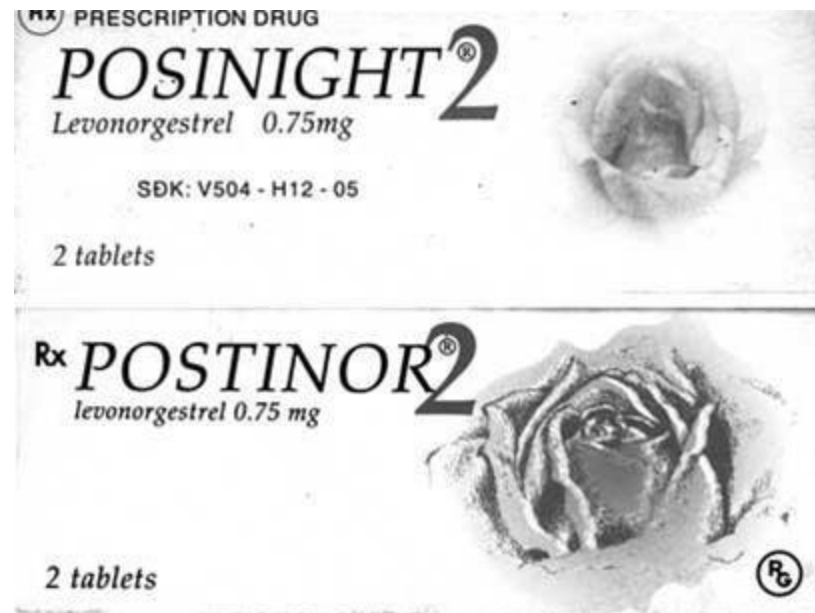
- Bản chất của sản phẩm
- Công dụng
- Chức năng của các sản phẩm
- Kênh thương mại mà sản phẩm được lưu thông

TRƯỜNG SINH



Trường Sinh

Khai thác thông tin nhãn hiệu



Khai thác thông tin nhãn hiệu

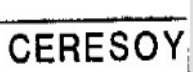
4. Thực hành

- Tìm các nhãn hiệu có tiền tố “Cere” được sử dụng cho các SP, DV liên quan đến dược phẩm đang được bảo hộ tại Việt Nam
- Tìm các nhãn hiệu của chủ sở hữu Ebewe đang được bảo hộ tại Việt Nam

Tổng số tìm được : 72 bản ghi [Truy vấn cuối cùng](#) [Hiện thị dạng ảnh](#)
 Bản ghi từ 1 đến 40 trên tổng số 72

[Trước](#) Trang: 1 [2](#) [Sau](#) [Dịch](#)

Nhãn hiệu tìm kiếm = cere* Và Nhóm SP/DV = 05 10 03 35 42 44

☐ Chọn tất cả	Nhãn hiệu	Số đơn	Số bằng	Ảnh	(Dạng) Công bảo
☐ 1.	CERESoy	4-1990-01829	4-0001676-000		
☐ 2.	CERELAC	4-1992-05971	4-0005528-000		
☐ 3.	cerebrovit	4-1993-11391	4-0027594-000		
☐ 4.	CEREGEN	4-1997-32373	4-0027174-000		
☐ 5.	CEREXIN	4-1998-39696	4-0034179-000		
☐ 6.	CEREBROFOR	4-2000-44774	4-0061787-000		
☐ 7.	CERESTAR	4-2000-46353	4-0038531-000		
☐ 8.	CEREBROIDIN	4-2001-05380	4-0045302-000		
☐ 9.	CEREBRALIDINE	4-2001-05381	4-0045303-000		
☐ 10.	A9-CEREBRAZEL	4-2002-00662	4-0046901-000		
☐ 11.	CEREGINKO	4-2002-01218	4-0047237-000		

ROMARIN

Query: (Mark contains "cere*") AND (Nice Classification contains "05 or 10 or 03 or 35 or 42 or 44") AND (Designated Contracting Parties contains "VN")

Search Advanced search Reference tools Help

Preferences

Number of results : 15 / 15

↑ back

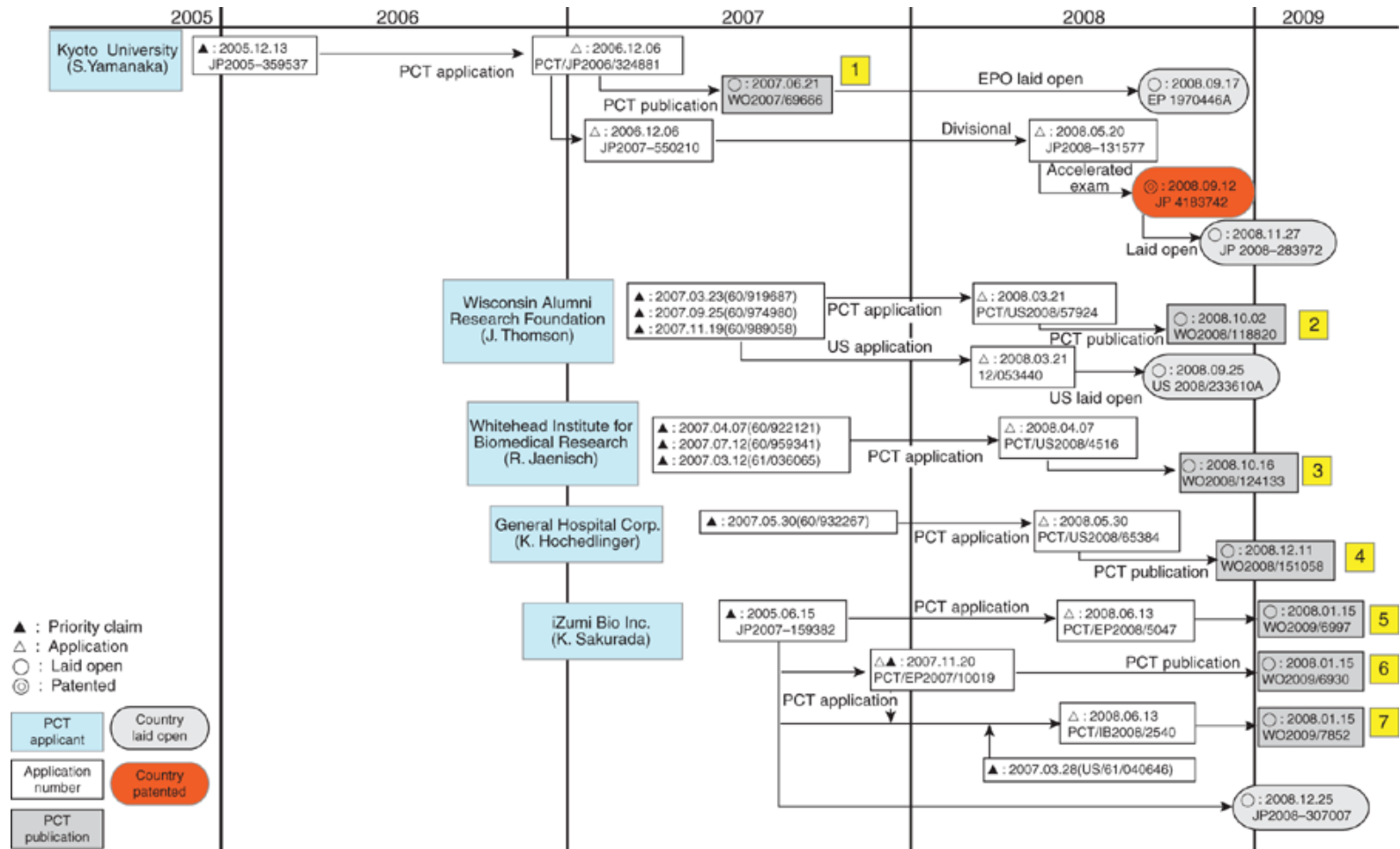
N°	International Registration Number	Mark	Office of Origin	Registration date	Reproduction of the mark	XLS PDF XML	
1	1025278	CEREBOOST	FR	20.10.2009		PDF	XML
2	1043579	cereboost	FR	03.06.2010	cereboost 	PDF	XML
3	1066261	CEREGIS	HU	27.12.2010		PDF	XML
4	1166705	CEREMIL	CH	16.05.2013		PDF	XML
5	1292560	CEREZEN	SG	13.01.2016	CEREZEN	PDF	XML
6	171894	CEREBROLYSIN	AT	05.10.1953		PDF	XML
7	485161	CERESIT	DT	15.12.1983		PDF	XML
8	572779	Cereal's CEREAL'S - ITALIA	IT	29.07.1991		PDF	XML

Khai thác thông tin sáng chế

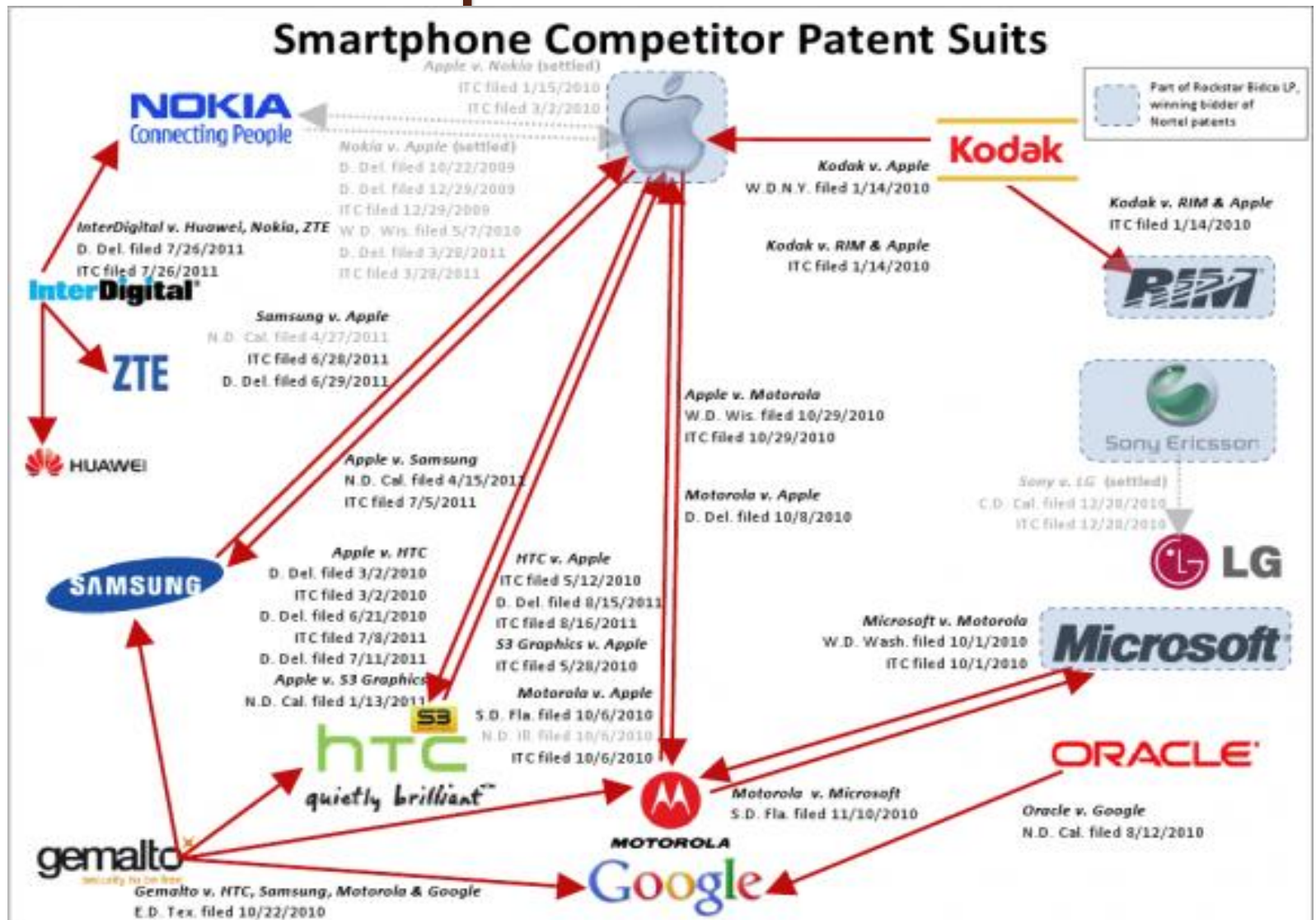
1. Kiến thức chung

- Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng **sản phẩm hoặc quy trình** nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.
- Điều kiện bảo hộ: Để được bảo hộ, **sản phẩm, quy trình yêu cầu bảo hộ phải:**
 - Có tính mới;
 - Có trình độ sáng tạo (hoặc không phải là hiểu biết thông thường đối với bằng độc quyền giải pháp hữu ích);
 - Có khả năng áp dụng công nghiệp.

Induced pluripotent stem cells technology patent map, 2005-2009



Patent Map



Khai thác thông tin sáng chế

1. Kiến thức chung

Đối tượng không được bảo hộ:

- Phát minh, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học;
- Sơ đồ, kế hoạch, quy tắc và phương pháp để thực hiện các hoạt động trí óc, huấn luyện vật nuôi, thực hiện trò chơi, **phương pháp kinh doanh; chương trình máy tính;**
- Cách thức thể hiện thông tin chỉ được xác định bởi nội dung thông tin
- Giải pháp chỉ mang đặc tính thẩm mỹ mà không tạo ra hiệu quả kỹ thuật
- Giống thực vật, giống động vật;
- Quy trình sản xuất thực vật, động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là quy trình vi sinh
- **Phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán hoặc chữa bệnh cho người và động vật**

Khai thác thông tin sáng chế

1. Kiến thức chung

Các dạng sáng chế trong lĩnh vực dược

- **Sản phẩm:**

- Hoạt chất
- Dạng mới của một hoạt chất đã biết
- Tổ hợp (hỗn hợp) các hoạt chất;
- Sản phẩm chiết xuất, phân lập, tinh chế;
- Chế phẩm, dạng bào chế (giải phóng/ phóng thích chậm, nhanh, tức thì, có kiểm soát, theo xung, dạng ngậm dưới lưỡi, mảnh cấy, miếng dán, v.v.);
- Vi sinh vật (vi khuẩn, virus, chủng vi sinh);
- Động vật (trừ người), thực vật chuyển gen;
- Thiết bị y tế;

Khai thác thông tin sáng chế

1. Kiến thức chung

- **Quy trình (phương pháp):**
 - Điều chế, sản xuất, tinh chế, phân lập, phân giải hoạt chất;
 - Bào chế, sản xuất dược phẩm, chế phẩm, dạng bào chế, chiết xuất;
 - Phương pháp thử nghiệm, phân tích;
 - Phương pháp cải thiện độ bền bảo quản;
 - Phương pháp làm tăng độ sinh khả dụng;

Khai thác thông tin sáng chế

1. Kiến thức chung

- Đối tượng sử dụng theo chức năng mới (sử dụng một sản phẩm (hoạt chất) đã biết theo chức năng mới):
 - Đơn nộp trước khi Luật SHTT 2005 có hiệu lực (trước 01/07/2006): Có khả năng bảo hộ
 - Đơn nộp sau khi Luật SHTT 2005 có hiệu lực (từ 01/07/2006 đến nay): Không mặc nhiên được bảo hộ mà phải được chứng minh là sản phẩm/ quy trình đáp ứng ĐK bảo hộ

Khai thác thông tin sáng chế

- **Quyền của chủ sở hữu sáng chế:** Sử dụng, cho phép sử dụng, ngăn cấm SD, định đoạt SC
- **Không có quyền ngăn cấm** sử dụng SC nhằm:
 - Nhu cầu cá nhân,
 - Mục đích phi thương mại
 - Đánh giá, phân tích, NC, giảng dạy
 - Thử nghiệm, sản xuất thử, xin phép NK, SX, lưu hành
 - Lưu thông, SD sản phẩm được đưa ra TT (TN và NN) một cách hợp pháp
 - ...

Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

- **Thông tin sáng chế gồm:**

- Thông tin thư mục (ví dụ ngày nộp đơn, số đơn, ngày ưu tiên, số đơn ưu tiên, tên người nộp đơn, tên tác giả sáng chế) của đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích và bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Thông tin kỹ thuật được bộc lộ trong bản mô tả sáng chế (gồm tên sáng chế, phần mô tả sáng chế, yêu cầu (phạm vi) bảo hộ, hình vẽ, danh mục trình tự, v.v.) và bản tóm tắt sáng chế.

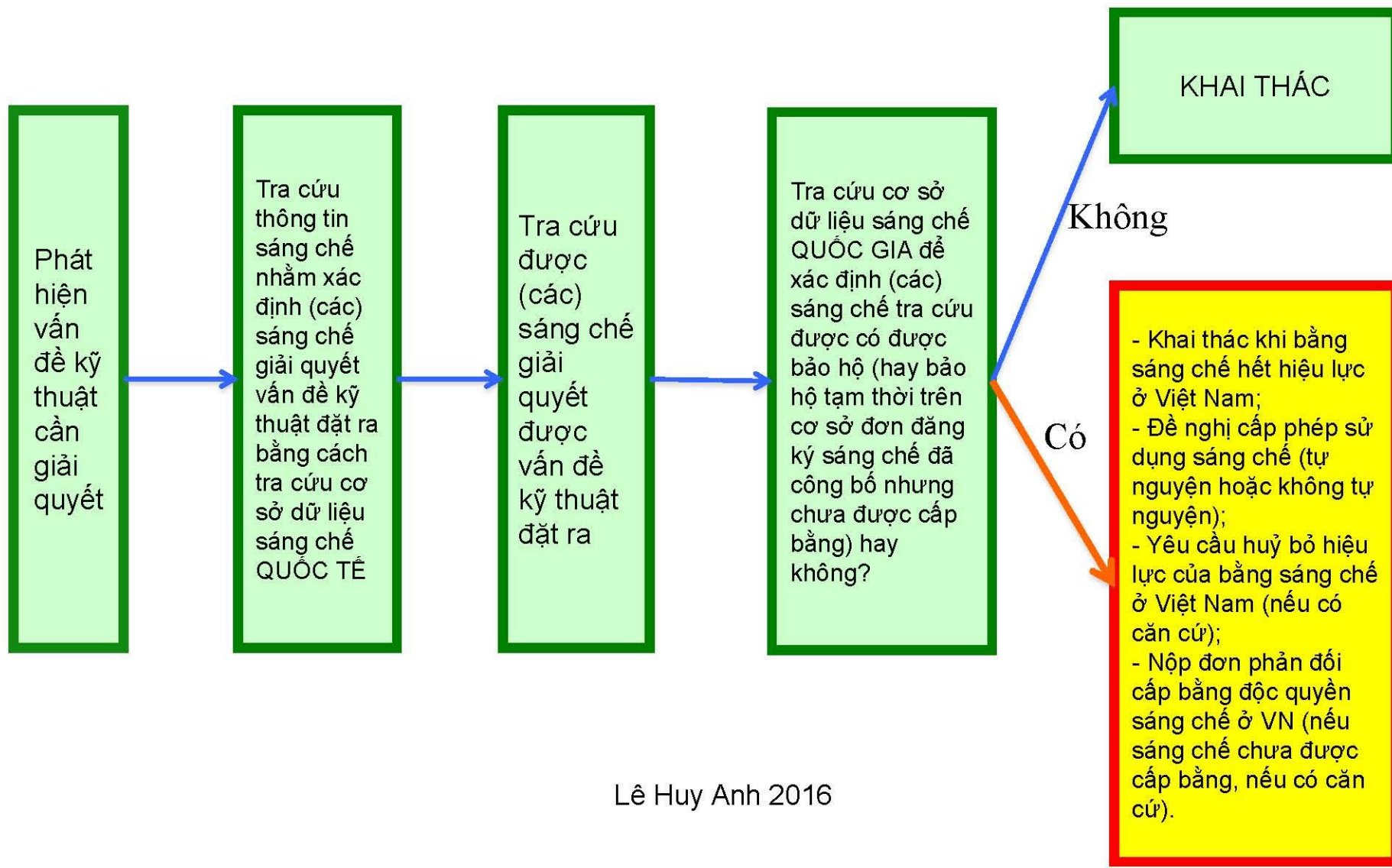
Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

1. Vấn đề kỹ thuật cần giải quyết là gì?
2. Trên thế giới có những sáng chế nào nhằm giải quyết vấn đề đó
3. Tra cứu, xác định sáng chế giải quyết được vấn đề kỹ thuật đặt ra
4. Sáng chế đó có được bảo hộ tại Việt Nam hay không?
5. Giải pháp để có thể khai thác sáng chế

II. KỸ NĂNG TRA CỨU THÔNG TIN SÁNG CHẾ

Quy trình tra cứu thông tin sáng chế theo phương pháp vấn đề và giải pháp



Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

Các cơ sở dữ liệu sáng chế quốc tế cơ bản (sử dụng miễn phí)

<http://ep.espacenet.com> của Cơ quan Sáng chế châu Âu (European Patent Office –EPO): Khoảng hơn 90 triệu tư liệu sáng chế.

- Là công cụ tra cứu có phạm vi dữ liệu lớn nhất với hầu hết các công bố đơn/bằng sáng chế của các nước trên thế giới (chưa bao gồm Việt Nam).
- Có chức năng truy cập đơn theo họ đơn/bằng sáng chế đồng dạng (patent family).
- Có chức năng truy cập đến các tài liệu đối chứng của 1 tài liệu (cited documents) và tài liệu viện dẫn đến 1 tài liệu (citing document).

Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

- <http://www.google.com/patents> của Google Inc.:
 - Chứa tư liệu sáng chế của Hoa Kỳ, Cơ quan Sáng chế châu Âu, đơn nộp theo Hiệp ước hợp tác về sáng chế (PCT), Trung Quốc, Đức, Canada.
 - Có chức năng truy cập đơn theo họ đơn/bằng sáng chế đồng dạng (patent family) (không đầy đủ so với công cụ <http://ep.espacenet.com>).
 - Có chức năng truy cập đến các tài liệu đối chứng của 1 tài liệu (cited documents) và tài liệu viện dẫn đến 1 tài liệu (citing document).

Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

- <http://patentscope.wipo.int> của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO):
 - Chứa tư liệu sáng chế của đơn nộp theo Hiệp ước hợp tác về sáng chế (PCT), Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức, Canada, **Việt Nam**, v.v..
 - Không có chức năng truy cập đơn theo họ đơn/bằng sáng chế đồng dạng (patent family).
 - Không có chức năng truy cập đến các tài liệu đối chứng của 1 tài liệu (cited documents) và tài liệu viện dẫn đến 1 tài liệu (citing document).
 - Cho phép tra cứu theo nhiều trường khác nhau, trong đó có trường yêu cầu bảo hộ

Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

Các cơ sở dữ liệu sáng chế quốc tế cơ bản (sử dụng miễn phí)

– Cơ sở dữ liệu sáng chế Nhật Bản:

<https://www.j-platpat.inpit.go.jp/web/all/top/BTmTopEnglishPage>

– Cơ sở dữ liệu sáng chế Hàn Quốc:

<http://www.kipris.or.kr/enghome/main.jsp>

– Cơ sở dữ liệu sáng chế Trung Quốc:

<http://www.pss-system.gov.cn/sipopublicsearch/ensearch/searchEnHomeIndexAC.do>(cần đăng ký trước khi sử dụng);

http://211.157.104.77:8080/sipo_EN/search/tabSearch.do?method=init

Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

Các cơ sở dữ liệu sáng chế quốc gia:

- Thư viện số về BẰNG sáng chế Việt Nam:

<http://digipat.noip.gov.vn> cho phép tra cứu tên sáng chế, bản tóm tắt, dữ liệu thư mục, **toàn văn bản mô tả sáng chế của các bằng sáng chế/giải pháp hữu ích đã cấp trước năm 2011 và trong năm 2013;**

- Thư viện số về sở hữu công nghiệp IP LIB:

<http://iplib.noip.gov.vn/WebUI/WLogin.php> cho phép tra cứu **tên sáng chế, bản tóm tắt, dữ liệu thư mục của các đơn/bằng sáng chế/giải pháp hữu ích đã công bố.**

Khai thác thông tin sáng chế

2. Kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế

Bảng phân loại quốc tế IPC

<http://www.wipo.int/classifications/ipc/en>

Các IPC thường gặp trong lĩnh vực dược

A61B, A61C, A61F, A61G, A61H, A61J, A61K
(trừ A61K8), A61L, A61M, A61N, A61P, C01,
C07, C08, C11B, C11C, C12M, C12N, C12P,
C12Q, C12R, C12S, C40B, G01N, H01K, hoặc
H05B

Khai thác thông tin sáng chế

3. Thực hành

1. Tìm hiểu tình hình bảo hộ sáng chế đối với hoạt chất entecavir tại Việt Nam
2. Tìm các sáng chế trong lĩnh vực được sắp hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam

E Espacenet - Home page

← → ↺ 🏠 <https://worldwide.espacenet.com> ☆ ☰



Europäisches Patentamt
European Patent Office
Office européen des brevets

Espacenet

Patent search

Deutsch English Français
Contact
Change country ▼

⏪ About Espacenet Other EPO online services ⏵

Search Result list ★ My patents list (0) Query history Settings Help

Smart search

Advanced search

Classification search

Smart search: ⓘ

entecavir

Siemens EP 2007

Clear Search

Maintenance news —

Espacenet outages 📡

Time zone: CET
Mon-Sun 05:00-ca.05:30
Maintenance outage Monday 30
May from 17:00-18:00
→ [read more...](#)

News flashes +

Latest updates +

Related links +

Common Citation Document (CCD) – citation collections in one place!

You access CCD via the **Cited documents** and **INPADOC patent family** sections of **Espacenet** or through [the official IP5 website](#). It gives you an insight into how examiners in national patent offices look for prior art, and can help you get early certainty from their search reports on pending patent applications. You can also use it to anticipate the outcome of your applications or those of your competitors. Try it and find out how CCD can help you.

New in Espacenet

The first batch of fulltext searchable languages are English French and German, This has involved the creation of so-called "logical databases" one for each language. [Read more here...](#)

Also new in Espacenet

Combisets will be searchable but only in Smart search [Read more here...](#)

Secure access to Espacenet (HTTPS)

In the coming weeks we will activate automatic redirection to our https-enabled site. If you wish to use our secure access now, [click here](#)

Free virtual online classroom sessions



EN 📡 📧 📧 📧 📧 📧 4:26 PM
6/8/2016

Espacenet - result x EPO About this file - EPO x Cục Sở hữu trí tuệ x Hiện thị danh sách x Cục Sở Hữu Trí Tuệ x ROMARIN x tranh chấp giữa B x Nhu x

European Patent Office [DE] https://worldwide.espacenet.com/searchResults?DB=&ST=singleline&Submit=Search&locale=en_EP&query=entecavir&sortField=

Search Result list My patents list (0) Query history Settings Help

Refine search → Results page 1

Smart search
Advanced search
Classification search

Quick help

- Can I subscribe to an RSS feed of the result list?
- What does the RSS reader do with the result list?
- Can I export my result list?
- What happens if I click on "Download covers"?
- Why is the number of results sometimes only approximate?
- Why is the list limited to 500 results?
- Can I deactivate the highlighting?
- Why is it that certain documents are sometimes not displayed in the result list?
- Can I sort the result list?
- What happens if I click on the star icon?
- What are XP documents?
- Can I save my query?

Related links +

Result list

☐ Select all (0/25) ☐ Compact ☐ Export (CSV | XLS)

208 results found in the Worldwide database for:
txt = entecavir using Smart search

1 2 3 4 ... 9 ▶
page 1

Sort by: Priority date Sort order: Ascending

☐ 1. **-L-2' DEOXY-NUCLEOSIDES FOR TREATING HEPATITIS B**

★ Inventor:	Applicant:	CPC:	IPC:	Publication info:	Priority date:
GOSSELEHN ZHILL', IMBAK ZHAN-LUI, (+1)	AJDENIKS (KAJMAN) LIMITED, SANTR NAS'ONAL' DE LJA RESHERSH S'ENTIFIK	A61K2300/00 (+16)	A61K31/522 A61K31/70 A61K31/7042 (+14)	RU2006147216 (A) 2008-07-10 RU2424016 (C2) 2011-07-20	1998-08-10

☐ 2. **ANTIVIRAL COMBINATIONS**

★ Inventor:	Applicant:	CPC:	IPC:	Publication info:	Priority date:
BROWN NATHANIEL A [US] CONDREAY LYNN D [US] (+2)	GLAXO GROUP LTD [GB] BROWN NATHANIEL A [US] (+3)	A61K2300/00 A61K31/7068 (+3)	A61K31/513 A61K31/522 A61K31/7068 (+6)	WO0130329 (A2) 2001-05-03 WO0130329 (A3) 2001-11-01	1999-10-29

☐ 3. **LOW DOSE ENTECAVIR FORMULATION AND ITS USE**

★ Inventor:	Applicant:	CPC:	IPC:	Publication info:	Priority date:
COLONNO RICHARD J SPROCKEL OMAR L (+5)	BRISTOL MYERS SQUIBB HOLDINGS IRELAND	A61K31/52 A61K31/522 A61K9/2018 (+5)	A61K31/522 A61K47/02 A61K47/10 (+12)	JP2015178523 (A) 2015-10-08	2000-02-29

☐ 4. **Low dose entecavir formulation and use**

★ Inventor:	Applicant:	CPC:	IPC:	Publication info:	Priority date:
COLONNO RICHARD J SPROCKEL OMAR L (+3)	BRISTOL MYERS SQUIBB CO		A61K31/52 A61K31/522 A61K45/00 (+5)	CN102772413 (A) 2012-11-14	2000-02-29

https://worldwide.espacenet.com/searchResults?DB=&ST=singleline&Submit=Search&locale=en_EP&query=entecavir&sortField=prd&ascending=true#

Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Thư

digipat.noip.gov.vn



CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Vietnam DigiPat - Thư viện số về Bằng Sáng chế của Việt Nam

Tìm đơn giản | Tìm nâng cao | Hướng dẫn

Phiên bản thử nghiệm - Cập nhật đến ngày 31/12/2010

Tìm kiếm đơn giản

Điều kiện tìm kiếm

Phạm vi tìm kiếm

BRISTOL MYERS SQUIBB

Tác giả hoặc Chủ bằng

Tìm kiếm

Thiết lập lại

© 2011 Bản quyền thuộc về Cục Sở hữu trí tuệ

Số lượt truy cập 79,952

Thiết kế và phát triển bởi ICT Service Engineering



EN



4:33 PM
6/8/2016



[Tìm đơn giản](#) | [Tìm nâng cao](#) | [Hướng dẫn](#)

Nội dung sáng chế

Dữ liệu được số hóa từ hình ảnh scan, Cục SHTT không đảm bảo toàn bộ nội dung là chính xác so với bản gốc

« Đầu < Trước 1 / 1 Sau > Cuối »

[↑ Về danh sách](#)

Tác giả = BRISTOL-MYERS SQUIBB CO. OR Người nộp đơn = BRISTOL-MYERS SQUIBB CO.

© 2011 Bản quyền thuộc về Cục Sở hữu trí tuệ

Số lượt truy cập **79,560**

Thiết kế và phát triển bởi **ICT Service Engineering**

Dữ liệu được số hóa từ hình ảnh scan, Cục SHTT không đảm bảo toàn bộ nội dung là chính xác so với bản gốc

↑ [Về danh sách](#)

Tên sáng chế = entecavir OR Tóm tắt = entecavir

43. Sử dụng entecavir để bảo chế được phẩm dùng để điều trị cho bệnh nhân bị nhiễm virus viêm gan B hoặc bệnh nhân bị đồng nhiễm bệnh viêm gan B và một bệnh do virus hoặc không do virus khác gây ra, trong đó được phẩm này chứa entecavir với liều dùng hằng ngày nằm trong khoảng từ 0,001mg đến 25mg.

44. Sử dụng theo điểm 43, trong đó được phẩm này chứa entecavir với liều dùng hằng ngày nằm trong khoảng từ 0,01mg đến 10mg.

45. Sử dụng theo điểm 43, trong đó được phẩm này chứa entecavir với liều dùng hằng ngày nằm trong khoảng từ 0,01mg đến 5mg.

46. Sử dụng theo điểm 43, trong đó được phẩm chứa entecavir được sử dụng cùng với được phẩm thứ hai chứa một hoặc nhiều chất kháng virus và/hoặc một hoặc nhiều chất điều biến miễn dịch.

47. Sử dụng theo điểm 46, trong đó được phẩm chứa entecavir và được phẩm thứ hai nêu trên được kết hợp thành một được phẩm dạng liều đơn để sử dụng đồng thời.

48. Sử dụng theo điểm 46, trong đó được phẩm chứa entecavir và được phẩm thứ hai là các được phẩm dạng liều riêng rẽ để sử dụng đồng thời hoặc kế tiếp theo phác đồ được kê đơn.

49. Phương pháp bào chế được phẩm dùng qua đường miệng chứa entecavir với lượng nằm trong khoảng từ 0,001 đến 10% trọng lượng, trong đó phương pháp này bao gồm các công đoạn:

(a) hoà tan entecavir và chất bám dính trong dung môi, trong đó dung môi này là nước hoặc nước có độ pH axit hoặc bazơ,

(b) phun dung dịch thu được ở bước (a) lên chất mang nền trong khi chất mang nền này chuyển động,

(c) sấy khô chất mang nền đã được bao thu được ở bước (b) để loại dung môi, và

(d) phối hợp chất mang nền đã được bao và sấy khô thu được ở bước (c) với các thành phần cần thiết khác để tạo thành được phẩm.

50. Phương pháp theo điểm 49, trong đó:



CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM
Thư Viện Số Về Sở Hữu Công Nghiệp (IP LIB)

English ☒ Tiếng Việt

Thứ năm, 02/06/2016

[Trang chủ](#) [Trợ giúp](#) [Giới thiệu](#)

TẠO TRUY VẤN TÌM KIẾM SÁNG CHẾ

IPC

Tên trường		Biểu thức		Ví dụ
	Ngày nộp đơn	>	01/01/1996	Tên sáng chế:*máy cắt lúa
Và	Ngày nộp đơn	<	01/01/1998	Thông tin tóm tắt:*nông nghiệp*
Và	Ngày công bố bằng	<	01/01/2016	IPC: F21F*
Và	IPC	=	A61K C07D	Người nộp đơn:*Phạm văn A*

Tìm kiếm

Thiết lập lại

Lưu ý: Hệ thống chỉ cho phép hiển thị 1000 bản ghi

Bạn là khách thứ : 4099
 Time to load : 0.04 s

© Cục Sở hữu trí tuệ
 Dự án hợp tác Việt Nam - Nhật Bản "Ứng dụng thông tin sở hữu trí tuệ tại Việt Nam"

E Espacenet - re
About this file
Cục Sở hữu trí
Danh sách sản
Hiện thị danh
Cục Sở Hữu Trí
ROMARIN
G tranh chấp giữ
Nhu

iplib.noip.gov.vn/WebUI/WHitListPAT.php

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM
Thư Viện Số Về Sở Hữu Công Nghiệp (IP LIB)

English
Tiếng Việt

Thứ năm, 02/06/2016

[Trang chủ](#)
[Trợ giúp](#)
[Giới thiệu](#)

Tổng số tìm được : 194 bản ghi. [Truy vấn cuối cùng](#) [Mở Rộng](#)
Bản ghi từ 1 đến 40 trên tổng số 194

Trước
Trang: 1 2 3 4 5
Sau

Dịch

Ngày nộp đơn > 01/01/1996 Và Ngày nộp đơn < 01/01/1998 Và Ngày công bố bằng < 01/01/2016 Và IPC = A61K C07D

☐ Chọn tất cả	Tên sáng chế	(Dạng) Công báo
☐ 1.	Hợp chất 2,8-thể hai lần quinazolinon, quy trình điều chế và dược phẩm chứa hợp chất này	
☐ 2.	dẫn xuất mgdf, phương pháp điều chế và dược phẩm chứa dẫn xuất này	
☐ 3.	Thuốc trị rắn độc cắn	
☐ 4.	Dược phẩm có nhân tổ tăng trưởng thần kinh	
☐ 5.	Hợp chất oxathiolan và dược phẩm chứa chúng	
☐ 6.	Dược phẩm trị nấm dùng qua đường miệng và quy trình điều chế chúng	
☐ 7.	Dẫn xuất n - (3-benzofuranyl) urê, quy trình điều chế và dược phẩm chứa dẫn xuất này	
☐ 8.	Quy trình điều chế hợp chất naphthyl	
☐ 9.	Nhân tổ tăng trưởng/phân hoá thuốc hô tgf.β	
☐ 10.	dẫn xuất của peptit dùng để trị liệu	
☐ 11.	hợp chất quinazolin, quy trình điều chế và dược phẩm chứa chúng	
☐ 12.	kháng thể tái tổ hợp kháng il-4 để điều trị các rối loạn do il-4 gây ra	
☐ 13.	Hợp chất disacarit anthraxycilin, quy trình điều chế và dược phẩm chứa chúng	
☐ 14.	Dược phẩm dùng khu trú và phương pháp điều chế	
☐ 15.	hợp chất ức chế proteaza hiv	
☐ 16.	Trình tự ADN mã hoá thu thể dành cho bmp	
☐ 17.	Quy trình điều chế lactam	
☐ 18.	1,2 - benzisoxazol và 1,2 - benzisothiazol thể 3 - piperidinyl được vi bao	
☐ 19.	Hợp chất pyridin-2-on được j thể và pyridin-2-thion được thể để sử dụng làm chất diệt sinh vật hại và quy trình điều chế	
☐ 20.	Dẫn xuất naphtalen, quy trình điều chế và chất trung gian của chúng	
☐ 21.	Hợp chất n-(indol-2-carbonyl)-beta-alanimamit được thể và dẫn xuất để sử dụng làm thuốc trị bệnh đái tháo đường và dược phẩm chứa chúng	
☐ 22.	dược phẩm dạng viên chứa paroxetin và phương pháp bào chế dược phẩm này	

- **Câu hỏi và trao đổi**



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

